

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BUÔN ĐƠN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/03/2024

“Tranh chấp ly hôn  
và nuôi con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN – TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Phi Long

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Phương và ông Nguyễn Lam Điền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Y Rin Niê Kdăm – Kiểm sát viên.

Ngày 25/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 237/2023/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hồng P, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn 06, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn 06, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng P trình bày:** Tôi và ông Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 14/04/2009. Sau khi về chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 04 (bốn) con chung. Tuy nhiên, trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tôi nhận thấy vợ chồng sống không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, không có sự tôn trọng với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay tôi và ông Nguyễn Văn T đã sống ly thân. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống tôi với ông Nguyễn Văn T có 04 (bốn) con chung: Cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 23/11/2002; Cháu Nguyễn Hữu H, sinh

ngày 07/9/2004; Cháu Nguyễn Tấn A, sinh ngày 20/4/2011 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 18/6/2016.

Đối với cháu Nguyễn Công T và cháu Nguyễn Hữu H, hiện nay các cháu Nguyễn Công T, Nguyễn Hữu H đã thành niên (trên 18 tuổi) nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Tấn A và cháu Nguyễn Anh K. Tôi có nguyện vọng nhận nuôi các cháu Nguyễn Tấn A, Nguyễn Anh K đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn T trình bày:** Ông Nguyễn Văn T đồng ý với ý kiến trình bày của bà Phạm Thị Hồng P về quan hệ hôn nhân và con chung. Ông Nguyễn Văn T đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị Hồng P và đồng ý giao các cháu Nguyễn Tấn A, Nguyễn Anh K cho bà Phạm Thị Hồng P trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi các cháu Nguyễn Tấn A, Nguyễn Anh K thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, các cháu Nguyễn Tấn A, Nguyễn Anh K trình bày và đều có nguyện vọng muốn được ở với bà Phạm Thị Hồng P.

Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn tiến hành tổng đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 01/TB-TA, ngày 04/01/2024 và Thông báo về phiên hòa giải số 02/TB-TA, ngày 19/01/2024 cho nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng P và bị đơn ông Nguyễn Văn T. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

Quá trình thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Phạm Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn T. Qua xác minh, đại diện ban tự quản thôn 06, xã E, huyện B và Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ thôn 06, xã E, huyện B cung cấp thông tin: Quá trình chung sống vợ chồng bà Phạm Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm rõ. Hiện nay bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn Văn T đã sống ly thân. Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải, phân tích các quy định của pháp luật nhưng bà Phạm Thị Hồng P vẫn nhất quyết xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Do đó căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đưa vụ án ra xét xử.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt là vi phạm về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng P được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung:

Đối với cháu Nguyễn Công T và cháu Nguyễn Hữu H, hiện nay các cháu Nguyễn Công T, Nguyễn Hữu H đã thành niên (trên 18 tuổi) nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Tấn A, sinh ngày 20/4/2011 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 18/6/2016, đề nghị Hội đồng xét xử giao các cháu Nguyễn Tấn A, Nguyễn Anh K cho bà Phạm Thị Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu Nguyễn Tấn A, Nguyễn Anh K thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Hồng P không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Phạm Thị Hồng P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn T cư trú tại thôn 6, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn và bị đơn. Ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều

227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 14/04/2009. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn Văn T là hợp pháp.

Quá trình chung sống bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn Văn T phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm. Hiện nay bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn Văn T sống ly thân và không quan tâm và chăm sóc gì nhau. Căn cứ kết quả xác minh tại ban tự quản thôn 6, xã E, huyện B và Chi hội phụ nữ thôn 6, xã E, huyện B cũng như ý kiến trình bày của đương sự có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Phạm Thị Hồng P được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn Văn T có 04 (bốn) con chung: Cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 23/11/2002; Cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 07/9/2004; Cháu Nguyễn Tấn A, sinh ngày 20/4/2011 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 18/6/2016.

Quá trình giải quyết vụ án, các cháu Nguyễn Tấn A, Nguyễn Anh K có nguyện vọng muốn được ở với bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn Văn T đồng ý giao các cháu Nguyễn Tấn A, Nguyễn Anh K cho bà Phạm Thị Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Hội đồng xét xử xét thấy: Qua xác minh tại địa phương và phần trình bày của đương sự thì cháu Nguyễn Tấn A, Nguyễn Anh K hiện nay đang sinh sống cùng với bà Phạm Thị Hồng P. Tại phiên tòa bà Phạm Thị Hồng P có nguyện vọng nhận nuôi cháu Nguyễn Tấn A, Nguyễn Anh K đến khi các cháu Nguyễn Tấn A, Nguyễn Anh K thành niên (đủ 18 tuổi). Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao các cháu Nguyễn Tấn A, Nguyễn Anh K cho bà Phạm Thị Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

Đối với cháu Nguyễn Công T và cháu Nguyễn Hữu H, hiện nay các cháu Nguyễn Công T, Nguyễn Hữu H đã thành niên (trên 18 tuổi) và bà Phạm Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng P được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn A, sinh ngày 20/4/2011 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 18/6/2016 cho bà Phạm Thị Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu Nguyễn Tấn A, Nguyễn Anh K thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị Hồng P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí

đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0019550 ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng P có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận :*

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- UBND xã E, huyện B,
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**(Đã ký)**

**Nguyễn Phi Long**



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận :*

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- UBND xã E, huyện B,
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**Nguyễn Phi Long**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận :***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- UBND xã E, huyện B,
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**Nguyễn Phi Long**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

## THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

*Nơi nhận :*

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- UBND xã Cuôr Knia, huyện Buôn Đôn;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**Nguyễn Phi Long**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận :***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- UBND xã Cuôr Knia, huyện Buôn Đôn;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**Nguyễn Phi Long**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận :*

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- UBND xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**Nguyễn Phi Long**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận :*

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- UBND xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**Nguyễn Phi Long**

